TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01362

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09146002	NGUYỄN THỊ MỸ	AN	DH09NK	1		7,5	7	5
2	09114001	ĐƯỜNG XUÂN NGUYỄN	ANH	DH09LN	1		5	5	0
3	07146068	LÊ HỮU	ANH	DH08NK	1		7,5	7	5
~~4~~	~~08147085~~	~~NGUYỄN HOÀNG~~	~~ANH~~	~~DH08QR~~					
5	08146006	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH08NK	2		8,5	8	5
6	09147004	VĂN THÀNH	ÁNH	DH09QR	1		6	6	0
7	08146104	THẠCH	BẰNG	DH08NK	1		7	7	0
8	10114066	NGUYỄN VĂN	DANH	DH10LN	1		7	7	0
9	07114073	ĐÀNG ANH	ĐẰNG	DH08LN	1		7	7	0
10	09147133	Y WƯƠNG	ÊBAN	DH09QR	1		7,5	7	5
11	08114022	TRƯƠNG THỊ	GẤM	DH08LN	1		7	7	0
12	07114075	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	DH08LN	1		7,5	7	5
13	08147058	PHẠM THỊ TUYẾT	HẠNH	DH08QR	2		8,5	8	5
14	08114032	TRỊNH ĐÌNH	HIẾN	DH08LN	1		7,2	7	2
15	09114097	PHẠM TRỌNG	HIẾU	DH09LN	1		7,5	7	5
16	10146073	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH10NK	2		7,7	7	7
17	08147078	LÊ TRÚC	HUÂN	DH08QR	1		7,5	7	5
18	09114023	LÊ CÔNG	HÙNG	DH09LN	1		8	8	0

Số bài: 24 ; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Ngọc Duy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Hải

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01362

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09114024	NGUYỄN PHI	HÙNG	DH09LN	1		7,5	7	5
20	09147042	CHÂU TỐ	HUỲNH	DH09QR	1		7	7	0
21	08147096	TÔ ĐỨC	HỮU	DH08QR	1		8	8	0
22	09147046	LÝ TRẦN	KHA	DH09QR	1		7,2	7	2
23	10114059	PHAN THANH	KHA	DH10LN	1		7	7	0
24	10114016	PHAN NGỌC	KỲ	DH10LN	1		8,3	8	3
25	09147053	PHẠM VŨ	LINH	DH09QR	1		7,2	7	2
~~26~~	~~07146028~~	~~TRẦN HOÀNG~~	~~LONG~~	~~DH08NK~~				0	0
27	09147055	NGÔ CÔNG	LỘC	DH09QR	1		6,2	6	2
28	10114020	NGUYỄN VĂN	MẠNH	DH10LN	1		7,6	7	6
29	08114052	ĐẶNG HOÀNG	MINH	DH08LN	1		7	7	0
30	10114102	NGUYỄN TRỌNG	NAM	DH10LN	1		7,5	7	5
31	09114102	LÂM THỊ HUỲNH	NGA	DH09LN	1		7,2	7	2
								0	0
								0	0
								0	0
								0	0
								0	0

Số bài: 25 ; Số tờ: 32

Cán bộ coi thi 1&2

Đào Ngọc Duy

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Hải

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01363

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10147063	TRƯƠNG VĂN	NHÌ	DH10QR	1		6,5	6	5
2	08114142	HỒ THỊ	NHUNG	DH08LN	1		7	7	0
3	08114065	PHAN XUÂN	PHỔ	DH08LN	1		7	7	0
4	09147078	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	DH09QR	1		7	7	0
5	09147076	BÙI THỊ MAI	PHƯƠNG	DH09QR	1		8	8	0
6	10114025	NGUYỄN SONG	PHƯƠNG	DH10LN	1		7,4	7	4
7	10114056	PHẠM CÔNG	QUỐC	DH10LN	1		6,3	6	3
8	08147160	HỒ MINH	QUÝ	DH08QR	1		4	4	0
9	09146051	HỒ THỊ	QUYÊN	DH09NK	1		7,5	7	5
10	08147159	TRẦN THỊ	QUYẾT	DH08QR	1		8	8	0
11	09114050	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	DH09LN	1		8	8	0
12	08147168	NGUYỄN HỮU	SƠN	DH08QR	1		8,2	8	2
13	10146061	QUÁCH PHONG	SƠN	DH10NK	1		7,5	7	5
14	09114109	TRẦN QUANG	TÂM	DH09LN	1		7,7	7	7
15	09147093	ĐÀM ĐỨC	TÂN	DH09QR	1		4,7	4	7
16	09147096	NGUYỄN TRỌNG	THANH	DH09QR	1		6	6	0
17	09146056	VĂN HIẾU	THANH	DH09NK	1		7,3	7	3
18	09114112	DƯƠNG VĂN	THÀNH	DH09LN	1		7,5	7	5

Số bài: 25 ; Số tờ: 25

Cán bộ coi thi 1&2

Vũ Ngọc Hà Vi

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Hải

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01363

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD201 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09147101	TRẦN VĂN	THÀNH	DH09QR	1		7,6	7	6
20	08147186	VŨ VĂN	THẮNG	DH08QR	1		6,7	6	7
21	08146125	BÙI NGỌC	THIỆP	DH08NK	1		8	8	0
22	09146099	ĐỖ ĐÌNH	THIỆU	DH09NK	1		6,7	6	7
23	07114096	MANG DUY CÔNG	THỊNH	DH08LN	1		7	7	0
24	08147189	QUÁCH TRUNG	THÔNG	DH08QR	1		8	8	0
25	08114154	NGUYỄN TIẾN	THUẬN	DH08LN	1		2,5	2	5

Số bài:...25.....; Số tờ:...25.....

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Phạm Thanh Hải

Ngày 10 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01364

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD202 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08147195	ĐOÀN THỊ	THÚY	DH08QR	1		8	8	0
2	08146203	ĐINH VĂN	TIẾN	DH08NK	1		7,5	7	5
3	10114096	MAI NGỌC	TIẾN	DH10LN	1		7	7	0
4	08146204	LÊ MẠNH	TÍN	DH08NK	1		8	8	0
5	10114036	PHAN TRUNG	TÍN	DH10LN	1		8	8	0
6	09147110	LÊ CÔNG	TOÀN	DH09QR	1		8	8	0
7	09114065	NGUYỄN NGỌC	TRÍ	DH09LN	1		0	0	0
~~8~~	~~10114037~~	~~TRẦN THỊ TUYẾT~~	~~TRINH~~	~~DH10LN~~			✓	V	
9	09114066	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH09LN	1		8	8	0
10	08114094	PHAN THẾ	TRUNG	DH08LN	1		6,8	6	8
11	08146207	LÊ CÔNG	TRỨ	DH08NK	1		7,7	7	7
12	08147218	NGUYỄN CHIẾN	TRƯỜNG	DH08QR	1		6,2	6	2
13	09147118	NGUYỄN PHI	TRƯỜNG	DH09QR	1		6,7	6	7
14	10147109	NGUYỄN VĂN	TÚ	DH10QR	1		7,5	7	5
15	08114099	CAO THANH	TUẤN	DH08LN	1		7,5	7	5
16	09114070	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09LN	1		8	8	0
~~17~~	~~10114039~~	~~PHAN THANH~~	~~TUẤN~~	~~DH10LN~~			✓	V	
18	10114040	TRẦN TRỌNG	TUYỀN	DH10LN	1		7,8	7	8

Số bài: 21 ; Số tờ: 21

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 Phan Thanh Hiu

Ngày 26 tháng 04 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01364

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD202 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	08147232	HỒ VĨNH	TƯỜNG	DH08QR	1		7,7	7	7
~~20~~	~~08114105~~	~~NGUYỄN SỸ~~	~~VĂN~~	~~DH08LN~~			✓		
21	09146077	LÂM	VĂN	DH09NK	1		6,7	6	7
22	09147128	ĐỖ PHƯỚC	VINH	DH09QR	1		8	8	0
23	09147130	PHẠM TRƯỜNG	VŨ	DH09QR	1		7,5	7	5
24	08114115	LÊ VĂN	VỸ	DH08LN	1		2	2	0

Số bài: 24 ; Số tờ: 24

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 phạm Thanh Hải

Ngày 26 tháng 04 năm 11

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01366

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10147002	NGÔ THỊ VÂN	ANH	DH10QR	1		6,7	6	7
2	09147008	VÕ BẤT	BẠI	DH09QR	1		7	7	0
3	08147010	HUỲNH LÊ ANH	BIN	DH08QR	1		7,5	7	5
4	10147007	K'	BRƯM	DH10QR	1		8,6	8	6
5	09114088	LÊ MINH	CẢNH	DH09LN	1		8,5	8	5
6	10147014	K'	DÀI	DH10QR	1		7,6	7	6
7	09114091	NGUYỄN THỊ	DIỆU	DH09LN	1		7,5	7	5
8	09147015	HOÀNG MẠNH	DŨNG	DH09QR	1		8,2	8	2
9	09114011	NGUYỄN QUANG	DŨNG	DH09LN	1		7,2	7	2
10	09114012	PHÙNG ĐỨC	DŨNG	DH09LN	1		8,2	8	2
~~11~~	~~10147018~~	~~BÙI QUỐC~~	~~ĐẠT~~	~~DH10QR~~					
12	09114014	ĐỖ DANH	ĐỨC	DH09LN	1		8	8	0
~~13~~	~~10147029~~	~~NGUYỄN HỮU VŨ~~	~~HIỀN~~	~~DH10QR~~					
~~14~~	~~10146081~~	~~NGUYỄN THỊ~~	~~HIỀN~~	~~DH10NK~~	1		5,8	5	8
15	08147060	PHẠM DUY	HIỀN	DH08QR	1		7,1	7	1
16	07147135	PHẠM TRUNG	HIẾU	DH08QR	1		8	8	0
17	09147041	~~LÊ VĨNH~~	~~HUY~~	~~DH09QR~~					
18	08147083	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	DH08QR	2	Huyền	8,7	8	7

Số bài: 19 ; Số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T Hạnh

Lê Thị Lệ Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Hải

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01366

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10147041	LÊ TRƯƠNG QUANG	KHẢI	DH10QR	1	Khải	7,8	7	8
20	08147112	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	LIÊN	DH08QR	1	Liên	8,2	8	2
~~21~~	~~09147052~~	~~NGUYỄN TIẾN~~	~~LINH~~	~~DH09QR~~					
22	10147049	PHẠM THỊ PHƯƠNG	LINH	DH10QR	1	Linh	8,5	8	5
23	09147063	NGUYỄN TRUNG	MỸ	DH09QR	1	Mỹ	6,7	6	7

Số bài: 14 ; Số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn T. Hạnh

Lê Thị Lệ Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Hải

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01365

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09114002	PHAN VĂN	BẢN	DH09LN	1		7,5	7	5
2	10146079	LẠI THỊ THÙY	DUNG	DH10NK	1		7,1	7	1
3	09114095	TRẦN THỊ THANH	HÀ	DH09LN	1		8,5	8	5
4	09114096	NGUYỄN THỊ	HẢI	DH09LN				V	
5	10146084	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH10NK	1		7,8	7	8
6	08147082	ĐOÀN TẤN	HUY	DH08QR	1		7,2	7	2
7	07147036	TRIỆU TÔ TÚ	HUY	DH08QR	1		3	3	0
8	10146016	NGÔ NGỌC	HƯNG	DH10NK	1		5	5	0
9	09147044	TRẦN ĐÌNH	HƯNG	DH09QR	1		5,5	5	5
10	10114072	TRƯƠNG ĐÌNH	KHẢ	DH10LN	1		5,5	5	5
11	09147051	PHẠM GIA	LÂM	DH09QR	1		7,5	7	5
12	10146001	MOUL DU	LICK	DH10NK	1		7	7	0
13	09146031	TRẦN VŨ	LINH	DH09NK	1		7,7	7	7
14	09146091	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH09NK	1		7,5	7	5
15	10146021	NGÔ THỊ	MIÊN	DH10NK	1		6	6	0
16	10146076	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	DH10NK	1		7,3	7	3
17	10146027	NGÔ THỊ NHƯ	NGỌC	DH10NK	1		7	7	0
18	08147141	MÃ BÌNH	NGUYÊN	DH08QR	1		5	5	0

Số bài: 39 ; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2

Vũ Ngọc Yến

Hà Thị Thu Hồn

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Thanh Hải

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01365

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09146042	TRƯƠNG HOÀI	PHONG	DH09NK	1		7,7	7	7
20	09114043	NGUYỄN ĐỨC MINH	PHÚ	DH09LN	1		6,5	6	5
21	09146046	TRỊNH THANH	PHƯỚC	DH09NK	1		7,5	7	5
22	10147069	ĐINH NHẬT	QUANG	DH10QR	1		4	4	0
23	09146050	HỒ ĐÌNH	QUANG	DH09NK	1		6	6	0
24	10147077	NGÔ THỊ	SỞ	DH10QR	1		5	5	0
25	10146085	MAI THỊ	TÂM	DH10NK	1		7	7	0
26	09146057	NGUYỄN THUẬN	THIỆN	DH09NK	1		7,5	7	5
27	10146041	ĐÀM VĂN	THUẬN	DH10NK	1		6	6	0
28	08114087	ĐẶNG THANH	TIẾN	DH08LN	1		7,5	7	5
29	09114083	RAHLAN	TIẾT	DH09LN	1		7	7	0
30	10146043	NGUYỄN HỮU	TÌNH	DH10NK	2		8	8	0
31	08147208	NGÔ VŨ	TRÁNG	DH08QR	1		7	7	0
32	09146072	LƯU MINH	TUẤN	DH09NK	1		7	7	0
33	10146060	NGUYỄN NGỌC	TÙNG	DH10NK	1		6	6	0
34	10146052	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	DH10NK	1		7	7	0
35	10114042	HUỲNH THANH	VŨ	DH10LN	1		7,7	7	7

Số bài: 34 ; Số tờ: 35

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 16 tháng 5 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01367

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09114103	PHẠM THÀNH	NHÂN	DH09LN			6,5	6	5
2	09147070	BÙI THỊ HỒNG	NHUNG	DH09QR			7,7	7	7
3	09114082	PI NĂNG	PHÂN	DH09LN			7,7	7	7
~~4~~	~~10114095~~	~~NGUYỄN QUANG~~	~~PHÚ~~	~~DH10LN~~				V	
~~5~~	~~09114046~~	~~HUỲNH THẾ~~	~~PHƯƠNG~~	~~DH09LN~~				V	
6	09114047	NGUYỄN MINH	PHƯỢNG	DH09LN			8	8	0
7	09146094	NGUYỄN ĐOÀN DUY	QUANG	DH09NK			6,3	6	3
8	10147070	NGUYỄN TRỌNG	QUANG	DH10QR			7,7	7	7
9	08147165	TRẦN CẢNH	SANG	DH08QR			3,5	3	5
10	08147167	HOÀNG NGỌC	SƠN	DH08QR			3,5	3	5
11	08147173	NGUYỄN VĂN	TẠO	DH08QR		Tạo	5,7	5	7
12	10147088	PHAN HỮU	THỊNH	DH10QR			8,2	8	2
13	10147103	NÔNG NGỌC	TUÂN	DH10QR			5,8	5	8
14	09146071	KIM QUỐC	TUẤN	DH09NK			7	7	0
15	09114069	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH09LN		Tuấn	7,7	7	7
16	08147233	NGUYỄN MINH	TỴ	DH08QR		Tỵ	6,6	6	6
17	10147111	HUỲNH THỊ	VÂN	DH10QR			8,2	8	2
18	09114075	DƯƠNG LÂM	VŨ	DH09LN			3	3	0

Số bài: 17 ; Số tờ: 17

Cán bộ coi thi 1&2 — Ng Thùy Linh; Văn Hữu Nhật

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2 — Phạm Thanh Hải

Ngày 26 tháng 4 năm 2011

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01367

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Môn Học : Đất và lập địa (205104) - Số Tín Chỉ: 3 Ngày Thi : 26/04/11 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD301 Nhóm Thi : Nhóm 03 - Tổ 002 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10114043	NGUYỄN XUÂN	VŨ	DH10LN		[signature]	8,2	8	2

Số bài: 17 ; Số tờ: 17

Cán bộ coi thi 1&2 — Ngô Thùy Linh; Văn Hữu Nhật

Duyệt của Trưởng Bộ môn — Thông Thông

Cán bộ chấm thi 1&2 — Phạm Thanh Hải

Ngày 26 tháng 4 năm 2011